**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HỚN QUẢN**
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 02 – 2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Mạnh Hồng
*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn Tân
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Long– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/02/2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 1995 (có mặt)
Trú tại: Tổ 4, ấp 1, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai
***Bị đơn:*** Anh Lê Trọng P**,** sinh năm 1985 (có mặt)
Trú tại: Tổ 6, ấp Xa Cát, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trình bày và yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kiều P*:

Chị Nguyễn Thị Kiều P và anh Lê Trọng P kết hôn năm 2016, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, hiện tại vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau đến nay đã được khoảng 02 năm. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị P yêu cầu ly hôn với anh P.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Lê Ngọc Khả N, sinh ngày 18/12/2016, khi ly hôn chị P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trình bày và ý kiến của anh Lê Trọng P:*

Anh P và chị P kết hôn năm 2016, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do không hiểu nhau, vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau đến nay đã khoảng 02 năm. Quá trình giải quyết vụ án, anh P xác định vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn. Tại phiên Tòa qua ý kiến kiên quyết ly hôn của chị P, anh P cũng trình bày thống nhất đồng ý ly hôn.

Đối với con chung Lê Ngọc Khả N hiện tại đang do chị P nuôi dưỡng nên khi ly hôn thì anh P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ khác, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị P được ly hôn với anh P

Về con chung: Căn cứ các chứng cứ chứng minh được nguồn thu nhập chính của phía nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho phía chị P được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do chị P chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí đương sự phải chịu theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Kiều P khởi kiện vụ án ly hôn, tranh chấp con chung đối với bị đơn anh Lê Trọng P cư trú tại xã T, huyện H, nên đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh P tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị P xác định vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do cả hai bên đều bất đồng quan điểm, không thể nói chuyện cùng nhau, nên vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau đến nay. Anh P cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và hiện nay vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau. Như vậy, có cơ sở xác định chị P và anh P thật sự có mâu thuẫn, mục đích của hôn nhân đã không đạt được. Tại phiên Tòa, qua ý chí kiên quyết ly hôn của chị P, anh P cũng đồng ý với ý kiến của chị P. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P, cho chị P được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: Chị P và anh P cùng có yêu cầu nuôi con chung Lê Ngọc Khả N, sinh ngày 18/12/2016. Tuy nhiên, do cháu Như hiện nay mới hơn 04 tuổi và đang do gia đình cùng với chị P nuôi dưỡng gần 2 năm nay. Chị P có chứng cứ chứng minh công việc và thu nhập ổn định. Anh P cũng mong muốn được nuôi con chung, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về nguồn thu nhập chính để đảm bảo chăm sóc con chung. Do vậy, để đảm bảo không làm thay đổi môi trường sống của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, giao con chung Lê Ngọc Khả N cho chị Nguyễn Thị Kiều P được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P chưa yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

[6] Tại phiên Tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ nêu trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

**[1]** Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều P được ly hôn với anh Lê Trọng P.

**[2]** Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc Khả N, sinh ngày 18/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Kiều P trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng các đương sự chưa yêu cầu nên không xem xét trong vụ án.

*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

**[3]** Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều P chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001748 ngày 11/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

**[4]** Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- CCTHADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Mạnh Hồng**